

CÔNG TY ĐÔNG ẤN HÀ LAN Ở ĐÀNG NGOÀI (1637-1700)

TƯ LIỆU VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

HOÀNG ANH TUẤN*

Trong số các thương nhân châu Âu đến buôn bán ở Đàng Ngoài cuối thời trung đại, thương nhân Hà Lan không phải là những người tiên phong. Người Bồ sau những phát kiến địa lý cuối thế kỷ XV đã thành lập Công ty Hoàng gia *Estado da India*, đặt thương điểm ở Goa (1509), Malacca (1511) và tiếp tục hướng tới thị trường Đông Á. Trong quá trình thâm nhập thị trường Trung Quốc, người Bồ đã lần lượt đến Đàng Trong (1523) và Đàng Ngoài (1626) (1). Dù chậm chân hơn người Bồ, người Hà Lan cũng đã đến được Đàng Trong năm 1601; Tuy nhiên những nỗ lực thiết lập quan hệ với các chúa Nguyễn không thu được kết quả, thậm chí còn bị thiệt hại nhiều về nhân sự và tài sản trong suốt ba thập kỷ sau đó do người Bồ, trên cơ sở quan hệ hữu hảo với Đàng Trong, ra sức ngăn chặn (2). Quan hệ của người Hà Lan với Đàng Ngoài cũng phải đến năm 1637 mới được thiết lập chính thức và đến 1700 thì hoàn toàn chấm dứt.

Một vài khảo cứu về quan hệ buôn bán giữa Công ty Đông Ấn Hà Lan (VOC) (3) với Đàng Ngoài trong thế kỷ XVII đã được giới thiệu từ cuối thế kỷ XIX. Năm 1882, Geert dịch và công bố bản nhật ký hành trình của tàu *Grol* - chuyến tàu đầu tiên

của VOC từ thương điểm Hirado (Nhật Bản) sang Đàng Ngoài năm 1637 (4). Một năm sau, bản dịch tiếng Pháp của Geert lại được Dixon chuyển dịch sang tiếng Anh (5). Từ đó về sau, một số bài viết về VOC, cũng lần lượt được đăng tải (6). Công trình chuyên sâu đáng kể về VOC ở Việt Nam trong khuôn khổ một luận án tiến sĩ (1929) tuy nhiên lại hướng về quan hệ của VOC ở Đàng Trong (7). Vài năm sau, tác giả mở rộng nghiên cứu VOC trên phạm vi toàn Đông Dương (Việt Nam, Lào và Cao Miên), Đàng Ngoài nhờ đó cũng được khảo cứu sơ bộ (8). Sau đó, nghiên cứu của các học giả phương Tây về chủ đề này dường như chững lại, ngoại trừ bài viết của Klein về buôn bán tơ lụa của VOC với Đàng Ngoài xuất bản năm 1986 (9). Một số công trình chuyên khảo của các học giả Nhật Bản, dù đề cập trực tiếp hay gián tiếp cũng có những đóng góp đáng kể cho nghiên cứu về mối quan hệ VOC - Đàng Ngoài (10). Do những khó khăn trong việc khai thác tư liệu, những nghiên cứu về VOC nói chung và VOC ở Việt Nam nói riêng cũng ít được các nhà sử học trong nước lưu tâm (11).

Khó khăn lớn nhất nằm ở khâu tư liệu. Gần bảy thập kỷ buôn bán với Đàng Ngoài, VOC đã để lại một khối lượng đồ sộ các văn

*Th.S. Khoa Lịch sử. Trường ĐHKHXH&NV. ĐHQGHN. NCS Đại học Leiden, Hà Lan.

bản, không chỉ sổ sách kinh doanh, thư từ ngoại giao qua lại với chính quyền vua Lê, chúa Trịnh, mà cả những nhật ký, ghi chép cá nhân của các thương nhân về lịch sử, văn hoá, tình hình chính trị, kinh tế, bang giao... của Đàng Ngoài trong toàn bộ thế kỷ XVII. Việc khai thác khối tư liệu này hứa hẹn nhiều thông tin khoa học mới nhưng cũng đặt ra những thử thách nặng nề. Thứ nhất, tư liệu VOC về Đàng Ngoài bị đóng kẹp xen lẫn trong toàn bộ khối tư liệu gần 25 triệu trang của Công ty trong suốt hai trăm năm hoạt động, việc sưu tầm vì thế cần nhiều thời gian và công sức nhằm tránh bỏ sót. Thứ hai, do cơ cấu tổ chức của VOC trải rộng khắp phương Đông, một số tài liệu của VOC về Việt Nam nói chung hiện nay vẫn được lưu trữ tại Lưu trữ Quốc gia Jakarta (Indonesia) và cũng cần được khai thác trong những năm tới. Thứ ba, các văn bản đều còn ở dạng viết tay, với văn phong Hà Lan cổ, từ vựng thay đổi hầu hết nên việc đọc loại từ ngữ này không hề dễ dàng, ngay cả với người bản ngữ hiện nay.

Trên cơ sở kết quả khai thác bước đầu kho tư liệu VOC về Đàng Ngoài trong khuôn khổ chương trình nghiên cứu TANAP, Đại học Leiden (Hà Lan), bài viết sẽ giới thiệu tổng hợp nguồn tư liệu VOC về Đàng Ngoài hiện đang được bảo quản tại Lưu trữ Quốc gia Hà Lan (Den Haag). Trên cơ sở giới thiệu nguồn tư liệu, bài viết cũng sẽ thảo luận một số vấn đề khoa học đang đặt ra và sẽ được hoàn thành trong những năm tới. Do hạn chế về thời lượng của bài viết, những vấn đề thảo luận chỉ mang tính khái quát, nghiên cứu chi tiết xin dành cho các chuyên luận sau.

I. TƯ LIỆU VOC VỀ ĐÀNG NGOÀI

1. Tư liệu gốc đã được xuất bản

- *Daghregister gehouden int Casteel Batavia* (Nhật ký buôn bán thành Batavia)

gồm 31 tập, bắt đầu từ năm 1624 đến năm 1682 (sau 1682 vẫn ở dạng văn bản gốc). Một số năm bị thất lạc (14 năm) có thể được bổ sung từ các nguồn khác như OBP (sẽ được đề cập dưới đây).

Daghregister phản ánh không chỉ hoạt động buôn bán ở Batavia mà cả tổng số tàu đến và đi từ Batavia, danh mục và trị giá hàng hoá, thư từ ngoại giao giữa Batavia với những chính quyền địa phương VOC đặt quan hệ buôn bán... Trong *Daghregister* có khoảng 50 thư từ ngoại giao của chính quyền Đàng Ngoài gửi sang Batavia và ngược lại. Các văn bản này đa số đã được dịch trọn vẹn từ văn bản gốc (chữ Hán), một số mới chỉ được tóm tắt, tuy nhiên việc tra cứu là rất dễ dàng từ OBP. Tình hình chính trị và buôn bán hàng năm ở Đàng Ngoài được phản ánh khá sinh động trong nguồn tư liệu này.

- *Generale Missiven van Gouverneurs-Generaal en Raden aan Heren XVII der Verenigde Oostindisch Compagnie* (Công văn của Toàn quyền và Hội đồng Đông Ấn gửi 17 vị Giám đốc của Công ty) được Batavia biên soạn hàng năm trên cơ sở thông tin từ các thương điểm của Công ty để báo cáo về Hà Lan tình hình hoạt động của Công ty ở phương Đông. Phần ghi chép của *Generale Missiven* về Đàng Ngoài qua các năm khá rõ ràng, tuy vắn tắt. Cùng với *Daghregister*, *Generale Missiven* góp phần phản ánh một cách chung nhất quan hệ chính trị và kinh tế của VOC với Đàng Ngoài trong suốt 64 năm buôn bán.

- *Beschrijving van de Oost Indische Compagnie* (Lược tả Công ty Đông Ấn) do Piter van Dam, luật gia của Công ty, soạn trong thế kỷ XVIII với mục đích đưa ra một mô tả sơ lược về tổ chức và hoạt động buôn bán của Công ty ở phương Đông. Lịch sử

buôn bán với Đàng Ngoài và Đàng Trong cũng được mô tả khái quát.

- Jan Pietersz Coen. *Beschieden Omtrent zijn Bedrijf in Indië*. Jan Pietersz Coen là toàn quyền VOC trong giai đoạn 1619-1623 và 1627-1629. Tập tài liệu này liên quan đến hoạt động của VOC ở phương Đông từ năm 1614 đến năm 1629 nên thông tin chủ yếu liên quan đến Đàng Trong.

- *Nederlands Factorij Japan* (NFJ: Thương điểm Hà Lan ở Nhật Bản) là tập hợp đặc biệt các văn bản của thương điểm VOC ở Nhật Bản trong thế kỷ XVII-XIX. NFJ là nguồn tư liệu quan trọng trong nghiên cứu Đàng Ngoài vì buôn bán của VOC với Đàng Ngoài có quan hệ mật thiết với thương điểm Hirado và Deshima. Một phần NFJ đã được biên dịch và xuất bản.

- *Daghregister Taiwan* (Nhật ký buôn bán ở thương điểm Zeelaand, Đài Loan) gồm 4 tập về VOC ở Đài Loan trong giai đoạn 1624-1662. Bộ tư liệu này chứa đựng nhiều thông tin về buôn bán của VOC ở Đàng Ngoài vì Zeelandia là một mắt xích trong tuyến buôn bán giữa Nhật Bản và Đàng Ngoài.

2. Tư liệu gốc

- *Overgekomen Brieven en Papieren* (OBP: Thư từ và Công văn đến) là nguồn tư liệu tổng hợp, bao trùm hầu hết mọi lĩnh vực và chiếm vị trí quan trọng nhất trong nghiên cứu quan hệ giữa VOC với Đàng Ngoài. OBP về Đàng Ngoài bao gồm công văn từ Toàn quyền và Hội đồng Đông Ấn báo cáo về Hà Lan và ngược lại, thư từ gửi từ thương điểm Đàng Ngoài về Batavia, Hà Lan và ngược lại, bản sao các nghị quyết, danh mục hàng hoá, sổ sách, hợp đồng buôn bán, nhật ký của các thương nhân của Công ty, thư từ trao đổi giữa các thương điểm, thư từ ngoại giao giữa công ty với

chính quyền Lê Trịnh... Trong số hơn một vạn trang tư liệu gốc của VOC về Đàng Ngoài, đại đa số nằm trong khối tư liệu này (12).

- *Resolutien van Gouverneurs-Generaal en Raden* (Nghị quyết của Toàn quyền và Hội đồng Đông Ấn) liên quan chủ yếu đến chính sách buôn bán và ngoại giao với các nước VOC đặt quan hệ. Trong số này có hơn 30 nghị quyết liên quan đến Đàng Ngoài và hơn 10 văn bản về Đàng Trong.

- *Bataviaasch Uitgaand Briefboek* (Công văn gửi đi từ Batavia) gồm các thư từ ngoại giao gửi đi từ Batavia trong thế kỷ XVII. Bên cạnh đó là các thông tin phụ khác như yêu cầu về hàng hoá, thông tin về các thương nhân châu Âu khác ở phương Đông. Một số văn bản về Đàng Ngoài trong khối tư liệu này cũng có thể được tìm thấy trong OBP.

3. Một số nguồn tư liệu khác

- *Beschrijvinge van Tonkin en onsen Handel aldaar* (Lược tả vương quốc Đàng Ngoài và hoạt động buôn bán của chúng ta ở đó) là một chương trong bộ sách 8 tập *Oud en Nieuw Oost-Indien* của François Valentijn, hoàn thành trong thế kỷ XVIII trên cơ sở sử dụng nhiều tư liệu của VOC ở Batavia. Tập thứ III dành một chương mô tả về buôn bán của VOC ở Đàng Ngoài kèm theo một số công văn có liên quan của Công ty.

- *Tonkin 1644/1645, Journaal van de Reis van Anthonio van Brouckhorst*. (Đàng Ngoài 1644/1645, Nhật ký hành trình của A. van Brouckhorst). Đây là một cuốn sách mỏng được C. C. van der Plas sao và xuất bản nguyên trạng cổ ngữ Hà Lan vào năm 1955. Cuốn sách là tập hợp nhật ký chuyến đi của Anthonio van Brouckhorst từ thương điểm Zeelandia ở Đài Loan sang Đàng

Ngoài, nơi Ông được bổ nhiệm làm giám đốc (1642-1647) và một số công văn qua lại giữa Đàng Ngoài với Nhật Bản, Đài Loan và Batavia.

- Một số nguồn tư liệu khác của các thương nhân, nhà thám hiểm, du hành châu Âu sang Việt Nam trong thời kỳ Trung đại cũng sẽ góp phần quan trọng trong việc nghiên cứu chủ đề này: S. Baron (1686), Dampier (1688) và Richard (thế kỷ XVIII)... Bên cạnh đó, hơn nghìn trang tư liệu của Công ty Đông Ấn Anh ở Đàng Ngoài giai đoạn 1672-1697 (13) cũng như các tài liệu cùng thời kỳ của người Bồ Đào Nha và người Pháp (14) sẽ cung cấp thêm nhiều thông tin quan trọng trong việc so sánh với nguồn tư liệu của VOC.

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU ĐẶT RA

1. Thất bại của VOC ở Đàng Trong

Từ cuối thế kỷ XVI, thương cảng Hội An của Đàng Trong được biết đến như một trạm trung chuyển hàng hoá lớn, đặc biệt là sản phẩm tơ lụa Trung Quốc vốn rất cần cho hoạt động trao đổi lấy bạc của Nhật Bản. Người Bồ đã đến Đàng Trong và thiết lập được quan hệ thân thiện với các chúa Nguyễn từ nửa cuối thế kỷ XVI. Năm 1601, bị bão cuốn về phía Trung Quốc, thương nhân Hà Lan trên đường trở về Patani đã ghé vào bờ biển Champa. Cùng năm đó, hai tàu *Leiden* và *Harlem* được phái đến đặt quan hệ buôn bán với chính quyền Đàng Trong nhưng không thu được kết quả, thậm chí còn dẫn đến những hiểu lầm và thái độ thù địch của Đàng Trong (15). Năm 1613, thảm hoạ lại xảy đến với người Hà Lan tại Hội An trong một nỗ lực thiết lập quan hệ mậu dịch bất thành (16). Một năm sau, giám đốc thương điểm của VOC ở Hirado, Nhật Bản cử người sang thương thuyết với Đàng Trong để xin lại số tiền bị

thu giữ năm trước nhưng Chúa không chấp nhận. Vào năm 1617, chúa Nguyễn chủ động gửi thư tới người Hà Lan ở Patani để mời thông thương, tuy nhiên lúc đó Công ty lại đang gặp khó khăn về tài chính nên dự định gửi tàu từ Nhật Bản sang không thực hiện được; số vốn 50.000 *real* dự định đầu tư cho Đàng Trong cũng không kịp huy động. Năm sau, một tàu của Công ty đến Hội An buôn bán không đạt kết quả, trên đường sang Nhật Bản bị một đoàn tàu năm chiếc của người Bồ đánh đắm ở gần Formosa (Đài Loan). Từ thời điểm này đến năm 1633, VOC không có một nỗ lực đáng kể nào nhằm gây dựng quan hệ với Đàng Trong bởi Công ty đang cố gắng mở quan hệ với Trung Quốc (17).

Mãi đến năm 1633, quan hệ của VOC với Đàng Trong mới xuất hiện những bước tiến mới. Trong năm này một số tàu của VOC được phái đến Đàng Trong nhưng thu được lãi thấp do hàng hoá Trung Quốc đưa đến ít, giá lại cao, kèm theo sự cạnh tranh mạnh của người Nhật. Trong khi đó, buôn bán ở Formosa được thông báo là rất triển vọng do thuyền Trung Quốc đến nhiều. Năm sau, trong tâm trạng chán nản vì lợi nhuận thấp (28%), người Hà Lan đến gặp chúa Nguyễn để xin lại khoản tiền 23.580 *real* Chúa thu giữ khi tàu *Grootebroek* bị đắm ở quần đảo Paracel (Hoàng Sa) năm 1633, nhưng bị Chúa từ chối nên đã rời bỏ Hội An. Năm 1636, nhận thấy tình hình khu vực có những thay đổi thuận lợi (sự suy yếu của người Bồ, chính sách toả quốc nghiêm ngặt của Mạc phủ Tokugawa từ 1636 dẫn đến việc người Nhật ở Hội An bị cô lập), người Hà Lan lại phái ba tàu với 300 lính đến Đàng Trong với mục đích: điều tra tình hình và triển vọng buôn bán với Tonkin (Đàng Ngoài), mở lại quan hệ thông thương với Đàng Trong, đòi bồi thường 23.580 *real* Đàng Trong thu giữ từ

tàu *Grootebroek*, trong trường hợp bị từ chối sẽ gây chiến tranh. Tuy nhiên chúa Thượng lại có cảm tình với người Hà Lan nên cho phép họ lập thương điểm ở Hội An và buôn bán tự do để bù vào khoản bồi thường Chúa từ chối trả. Việc này cũng không làm cho Batavia hài lòng trong khi hoạt động buôn bán không mang lại lợi nhuận như mong đợi (18). Năm sau quan hệ với Đàng Ngoài được thiết lập và buôn bán của VOC với Đàng Trong tạm dừng từ năm 1638. Từ sau năm này đến 1651, khi hoà ước được ký kết, hai bên rơi vào trạng thái thù địch và chiến tranh.

2. Mục tiêu buôn bán của VOC với Đàng Ngoài

Nếu tơ lụa Trung Quốc là sự hấp dẫn chính để VOC nỗ lực thiết lập quan hệ với Đàng Trong thì tơ lụa Đàng Ngoài cũng là mục tiêu hướng VOC chuyển sang quan hệ với chính quyền Lê-Trịnh, dù khá muộn. Nguyên nhân của sự chậm trễ này không phải do người Hà Lan không biết đến lợi nhuận của tơ lụa Đàng Ngoài ở Nhật Bản - vốn đã được thương nhân Trung Quốc, Nhật Bản và Bồ Đào Nha chuyên chở sang Nhật Bản từ lâu - mà bởi tình trạng yếu kém của mạng lưới buôn bán của VOC ở khu vực Viễn Đông trong suốt ba thập kỷ đầu thế kỷ XVII (19). Chậm nhất là vào năm 1624, thương điểm Hirado của VOC đã nhận thấy tơ lụa Đàng Ngoài có mặt trong số các thương phẩm được ưa chuộng ở Nhật Bản (20). Năm 1633, tơ lụa Đàng Ngoài lại được người Hà Lan ở Nhật Bản nhắc đến khi thấy chúng xuất hiện bên cạnh tơ lụa Trung Quốc (tổng cộng 2.500 *picol*) (21). Triển vọng buôn bán tơ lụa với Đàng Ngoài ngày càng được VOC theo dõi chặt chẽ, nhất là khi Mạc phủ Tokugawa ban hành chính sách Toả quốc và cấm thần dân xuất dương, mạng lưới buôn bán tơ lụa

của thương nhân Nhật với Đàng Ngoài bị ngưng trệ. Trong bối cảnh đó, VOC đã nhanh chóng thay thế người Nhật ở Đàng Ngoài. Chuyến dừng chân tại Hội An năm 1636 của Couckebacker đã cung cấp thêm nhiều thông tin quan trọng để khi về Nhật Ông hoàn thành báo cáo đệ trình lên Batavia về kế hoạch buôn bán với Đàng Ngoài (22). Trong bản chỉ thị cho thương nhân Carel Hartsink trên tàu *Grol* sang Đàng Ngoài năm 1637, các thông tin về Đàng Ngoài được mô tả rất chính xác. Sự hiểu biết này một mặt nhờ thương nhân Nhật, Hoa, cũng như các thương nhân tự do người Hà Lan sống ở Nhật vốn đã sang Đàng Ngoài trên thuyền Châu Ấn của Nhật Bản trước đó (23).

3. Thái độ của Chính quyền Đàng Ngoài

Ngay khi đến cửa sông Đàng Ngoài, Hartsink đã được viên quan cho biết chúa Trịnh đang chờ họ đến và sẽ rất hài lòng về sự có mặt của người Hà Lan. Khi Hartsink đến Kẻ Chợ, ông được Chúa tiếp kiến, được đồng ý cho buôn bán tự do, được Chúa nhận làm con nuôi với tên gọi *Heyng-tuong* và tước phẩm Hoàng tử cùng với áo mũ, cờ hiệu để có thể ngược sông lên Kẻ Chợ khi nào đến Đàng Ngoài (24). Điều ngạc nhiên, ngay cả với người Hà Lan, là thái độ cởi mở của chúa Đàng Ngoài. Thương đoàn Hà Lan đến Kẻ Chợ vào 12-4-1637, được triệu vào cung ba ngày sau đó, Hartsink được phép vào lễ Chúa ngày 9-5 và sáu ngày sau tin Chúa nhận Ông làm con nuôi được loan báo. Trong việc thiết lập quan hệ thương mại, người Hà Lan cũng hầu như không cần phải nỗ lực gì để được Chúa cho buôn bán tự do, mặc dù gặp không ít cản trở từ đội ngũ quan lại. Hartsink sau này biết rằng "chuyến đi của người Hà Lan thực ra đã được chính quyền Đàng Ngoài chờ đợi từ

năm ngoài (1636), khi người Bồ ở đây đưa ra thông báo về dự định gửi thuyền của chúng ta sang buôn bán với xứ sở này" (25). Sau khi những thoả thuận đã cơ bản hoàn thành, Chúa và thế tử đã gửi thư sang Toàn quyền VOC ở Batavia và Giám đốc thương điểm Hirado của Công ty ở Nhật để xây dựng chương trình hợp tác (26). Những sự nhân nhượng của chính quyền Đàng Ngoài trong quan hệ với VOC trong những năm đầu không có gì là khó hiểu. Trong bối cảnh nội chiến hai miền lúc đó, mục tiêu chính của Đàng Ngoài là viện trợ quân sự của người Hà Lan để chinh phục Đàng Trong - vốn được người Bồ hậu thuẫn đắc lực - và bực nức Nhật Bản để duy trì nền kinh tế thông qua việc xuất khẩu tơ lụa và các mặt hàng vải sợi, vốn đang rất có nhu cầu rất cao ở Nhật Bản trong khi thương nhân Nhật bị cấm xuất dương do chính sách toả quốc (*sakoku*) của Mạc phủ Tokugawa.

4. Quan hệ chính trị và kinh tế giữa VOC với Đàng Ngoài trong thế kỷ XVII

Quan hệ chính trị giữa VOC với Đàng Ngoài trong suốt thế kỷ XVII diễn biến khá phức tạp. Giai đoạn đầu từ 1637 đến 1643 được coi là thời kỳ êm thấm vì VOC liên minh với chúa Trịnh chống lại Đàng Trong, dù các lần Batavia gửi quân (1642, 1643) đều bị thảm bại. Từ năm 1644, mặc dù VOC vẫn đơn phương đánh lại Đàng Trong, quan hệ với triều đình Đàng Ngoài ngày càng trở nên lạnh nhạt. Giữa năm 1651, nhằm cải thiện tình hình, Batavia đã phái đại sứ đặc mệnh sang Đàng Ngoài và được triều đình đón tiếp trọng thể, quan hệ được cải thiện đáng kể; nhưng không lâu sau đó tình hình lại trở nên xấu đi, nhất là khi Đàng Ngoài nghe tin Công ty đã ký hoà ước ngừng chiến với Đàng Trong cuối năm

1651. Từ đó đến khi Công ty chấm dứt quan hệ với Đàng Ngoài (1700), quan hệ ngày càng sa sút, nhất là từ khi chúa Trịnh Căn, người bị thương nhân Hà Lan và Anh than phiền là khó tính, lên ngôi (1682). Từ năm 1693, nhân viên của Công ty ở Đàng Ngoài liên tiếp bị hành hung và cầm tù do không đáp ứng được những hàng hoá Chúa đòi hỏi. Sau nhiều lần trì hoãn, năm 1699 Batavia quyết định rời bỏ thương điểm Đàng Ngoài và đầu năm 1700 toàn bộ nhân viên về đến Batavia.

Trọng tâm của hoạt động thương mại của VOC ở Đàng Ngoài tập trung vào việc thu mua các loại sản phẩm tơ lụa để xuất khẩu sang Nhật Bản, các loại sản phẩm khác như quế, xạ hương (chủ yếu cho Hà Lan), vàng (cho Coromandel)... chiếm tỉ trọng không đáng kể. Mậu dịch tơ lụa giữa VOC với Đàng Ngoài trải qua ba giai đoạn chủ yếu: 1637-1654; 1655-1669 và 1670-1700. Trong thời kỳ đầu tơ lụa Đàng Ngoài chiếm lĩnh thị trường Nhật Bản khá mạnh, nhất là sau khi lượng tơ lụa Trung Quốc nhập khẩu vào Nhật Bản giảm mạnh do nội loạn ở Trung Quốc sau ngày nhà Minh sụp đổ (1644). Nếu trước năm 1641 tơ lụa Đàng Ngoài ở Nhật Bản chỉ chiếm 37% (63% là tơ lụa Trung Quốc) thì trong giai đoạn 1641-1654, tơ lụa Đàng Ngoài ở Nhật Bản chiếm tới 68% (tơ lụa Trung Quốc chỉ còn 13% và tơ lụa Bengal 19%). Trong thời kỳ 1655-1669, tỉ lệ nhập khẩu tơ lụa Đàng Ngoài của VOC sang Nhật Bản bắt đầu giảm, chỉ còn 17% trong khi tơ lụa Bengal chiếm 77% và tơ lụa Trung Quốc 5%. Việc tơ lụa Bengal được ưa chuộng ở thị trường đã đẩy hoạt động xuất khẩu tơ lụa Đàng Ngoài của VOC và của Hoa thương vào thế suy thoái, trong khi đó những khó khăn từ hoạt động nhập khẩu, mất mùa triển miên ở Đàng Ngoài lại đẩy giá nhập tơ lụa lên cao. Từ sau năm 1670, tơ lụa Đàng Ngoài

không còn được VOC chuyên chở trực tiếp sang Nhật Bản như trước đây nữa mà phải đưa về Batavia, sau đó mới được chở sang Nhật để tránh rủi ro trên đường đi, nhưng lý do chính là do cân cân buôn bán trực tiếp đã giảm mạnh (27). Từ thời điểm này, buôn bán của VOC ở thị trường Đông Á cũng sa sút, nhất là sau khi Nhật Bản liên tục có những chính sách hạn chế xuất khẩu bạc ra nước ngoài, trong khi thị trường Nam Á đang chứng tỏ lợi nhuận lớn hơn nên cũng được Công ty chú trọng hơn. Từ khoảng ba thập kỷ cuối của thế kỷ XVII, buôn bán của VOC ở Đàng Ngoài mang tính cầm chừng chỉ vì Công ty chưa muốn bỏ hẳn thương điểm; bản thân một số mặt hàng tơ lụa, nhất là *peling* (lĩnh), và *muskas* (xạ hương) nhập từ Đàng Ngoài cũng có nhu cầu ổn định ở châu Âu, dù số lượng không đáng kể. Buôn bán của người Anh giai đoạn 1672-1697 cũng không nằm ngoài tình trạng ảm đạm trên.

Mậu dịch gốm sứ của VOC với Đàng Ngoài cũng được thực hiện khá hiệu quả trong hai thập niên 1660 và 1670. Cùng với sự suy giảm về tơ lụa, sản xuất gốm sứ ở Trung Quốc cũng rơi vào tình trạng đình đốn do nội chiến trong suốt giai đoạn 1640-1680. Từ khi thế lực bài Thanh Trịnh Thành Công để mất miền nam Trung Hoa (1662), nguồn cung cấp gốm sứ thô (coarse porcelain) cho thị trường khu vực bị gián đoạn trong khi nhà Thanh đồng thời thực hiện chính sách đóng cửa để cô lập họ Trịnh ở Đài Loan. Tình hình trên đã giúp sản phẩm gốm sứ Đàng Ngoài thâm nhập mạnh mẽ vào thị trường liên đảo Đông Nam Á, thay thế cho hàng gốm sứ thô của Trung Quốc. Trong giai đoạn 1663-1681, gốm sứ Đàng Ngoài được VOC chuyển qua buôn bán ở thị trường Đông Nam Á hải đảo lên tới gần hai triệu tiêu bản, chiếm

khoảng 41% tổng số gốm sứ thô được chuyên chở đến đây (28).

5. Việc chấm dứt quan hệ với Đàng Ngoài năm 1700

Sự ra đi của người Hà Lan, cũng như người Anh ba năm trước đó (1697) tất nhiên là hệ quả trực tiếp từ sự suy giảm về lợi nhuận trong hoạt động kinh doanh ở Đàng Ngoài do sự đình đốn của nền kinh tế địa phương, thái độ ngày càng khắt khe của chúa Trịnh Căn và sự nhúng nhể của quan lại. Tuy nhiên, sự sa sút cũng cần được đặt trong bối cảnh rộng hơn của khu vực và quốc tế cũng như sự thay đổi chiến lược buôn bán của các thế lực hàng hải châu Âu. Sự hạn chế mạnh xuất khẩu kim loại quý đối với thương nhân ngoại quốc của chính quyền Nhật Bản từ cuối thập niên 1660 cùng với sự sụt giảm về nhu cầu tơ lụa Đàng Ngoài do sự chiếm lĩnh thị trường Nhật Bản của sản phẩm vùng Bengal đã làm cho tơ lụa Đàng Ngoài mất đi một thị trường chính có thể thu được nguồn tài chính quan trọng là bạc và đồng. Việc nhà Thanh tiêu diệt hoàn toàn thế lực họ Trịnh ở Formosa năm 1683 và bãi bỏ chính sách đóng cửa (Hải Cấm) vào năm 1684 không chỉ tạo điều kiện cho thương phẩm của họ trở lại chiếm lĩnh thị trường (cụ thể nhất là gốm sứ) mà còn tạo điều kiện cho Hoa thương mở rộng kinh doanh cũng như thu hút thương nhân châu Âu đến giao thương trực tiếp với thị trường nội địa Trung Quốc từ cuối thế kỷ XVII, mà trường hợp của người Anh là một minh chứng cụ thể. Ngoài ra, chiến lược mở rộng buôn bán nhằm vào thị trường Nam Á (vải vóc, tơ lụa) và Trung Quốc (tơ lụa, chè, sứ) cho cả thị trường Nhật Bản và châu Âu đã vô hình chung đẩy Đàng Ngoài ra khỏi quỹ đạo "*Buôn bán nội Á*" (Intra - Asian trade) của VOC (29).

6. Những chuyển biến về kinh tế và xã hội ở Đàng Ngoài dưới tác động của ngoại thương

Trục buôn bán Đàng Ngoài - Nhật Bản cần được phân tích nhằm thấy rõ những tác động trực tiếp và thường xuyên của dòng chảy bạc và kim loại quý Nhật Bản đến nền kinh tế Đàng Ngoài trong suốt thế kỷ XVII. Vấn đề bao nhiêu bạc và đồng Nhật Bản đã được đưa vào Đàng Ngoài thông qua VOC và thương nhân Hoa, Nhật trong thế kỷ này có thể được tính toán chi tiết (30). Hơn bao giờ hết, sự lên xuống tỉ giá giữa tiền đồng nội địa của Đàng Ngoài (*cassies*) phụ thuộc chặt chẽ vào kim ngạch nhập khẩu bạc nén (*silver bar plate*) từ bên ngoài vào hàng năm (31). Bản thân sự mở rộng của các ngành thủ công nghiệp, nhất là tơ lụa và gốm sứ, các làng buôn cũng không nằm ngoài sự chi phối của dòng chảy kim loại quý này. Trong một bối cảnh rộng hơn, những tài liệu buôn bán của VOC và EIC (Công ty Đông Ấn Anh) cho phép phục dựng khá chi tiết bức tranh ngoại thương Đàng Ngoài trong phạm vi khu vực và quốc tế thế kỷ XVII. Bên cạnh đó, hoạt động buôn bán của các thương nhân ngoại quốc ở Đàng Ngoài (người Hà Lan, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Anh, Pháp, Trung Quốc, Nhật Bản, Xiêm La) cũng sẽ được đặt thành chủ đề nghiên cứu chính trong những năm tới.

Trên phương diện chính trị, cục diện phân tranh Đàng Trong - Đàng Ngoài không chỉ phản ánh một cuộc xung đột tự thân của hai tập đoàn phong kiến Việt Nam, mà còn cho thấy sự can thiệp khá sâu sắc của các thế lực châu Âu hậu thuẫn phía sau. Trong một thời gian khá dài người Bồ Đào Nha đứng về phía Đàng Trong trong cuộc nội chiến giữa hai dòng họ Trịnh - Nguyễn mà người Hà Lan trong một thời

gian nhất định là liên minh của Đàng Ngoài.

Nghiên cứu những tác động đến xã hội truyền thống Đàng Ngoài thế kỷ XVII sẽ đóng góp thêm cho nhiều cuộc tranh luận đã và đang diễn ra. Khó có thể đi đến một nghiên cứu toàn diện về vấn đề mằm mống chủ nghĩa tư bản ở Việt Nam thời kỳ tiền cận đại nếu không đầu tư sâu hơn về khía cạnh kinh tế, mà ngoại thương nên được đặt thành một trong những điểm xuất phát để tiếp cận vấn đề (32). Vấn đề Thiên chúa giáo và bài Thiên chúa được phản ánh khá sinh động qua từng thời kỳ trong các nguồn sử liệu phương Tây cho thấy một bức tranh đa dạng về đời sống tôn giáo mới cũng như thái độ khá thụ động của chính quyền Đàng Ngoài. Lệnh cấm thường dân xuất dương trên tàu buôn ngoại quốc của chúa Trịnh Căn cuối năm 1693 (33) có thật sự vì vấn đề an ninh quốc gia như Nhật Bản hay Trung Quốc đã làm nhiều thập kỷ trước đó hay chỉ đơn thuần là sự lẩn tránh của triều đình về những phiền hà có thể xảy ra? Vấn đề nữ quyền (hay "trọng nam khinh nữ" theo đúng nghĩa của nó) trong xã hội Đàng Ngoài thế kỷ XVII qua ghi chép của các thương nhân phương Tây cũng phần nào gợi ý về một thực tế mà những nghiên cứu về sau có thể nên được nhìn nhận một cách linh động và đa chiều hơn là những quan niệm truyền thống trước đây.

*

Trong số những thương nhân châu Âu buôn bán ở Đàng Ngoài trong thế kỷ XVII, người Hà Lan thông qua Công ty VOC là thế lực vượt trội về kinh tế, đồng thời cũng có quan hệ ngoại giao chặt chẽ với triều đình Đàng Ngoài hơn cả. Cũng như tại nhiều nơi khác ở phương Đông, hoạt động

buôn bán của VOC ở Đàng Ngoài trong thời kỳ này có tác động đáng kể đến những chuyển biến về kinh tế và xã hội bản địa.

Nguồn tư liệu VOC về Đàng Ngoài phản ánh khá toàn diện về lịch sử kinh tế, chính trị, xã hội cũng như các khía cạnh về văn hoá, tôn giáo của Đàng Ngoài thế kỷ XVII. Cùng với nguồn tư liệu VOC về Đàng Trong (khoảng 2.000 trang) và nguồn tư liệu của Công ty Đông Ấn Anh (khoảng hơn 1.000 trang), tư liệu VOC về Đàng Ngoài

sẽ góp phần quan trọng trong việc nghiên cứu lịch sử Việt Nam thế kỷ XVII nói chung và lịch sử ngoại thương Việt Nam thời kỳ này nói riêng.

Những vấn đề nghiên cứu đặt ra trên đây chỉ là một số khía cạnh cơ bản chương trình nghiên cứu sẽ liên quan. Do hạn chế của khuôn khổ bài viết, các ý kiến thường ở dạng nhận định, những lý giải cụ thể tác giả xin được đề dẫn chi tiết trong những chuyên luận về sau.

CHÚ THÍCH

(*) Chữ viết tắt phần tài liệu dẫn: *NA* (Nationaal Archief): Lưu trữ Quốc gia Hà Lan; *VOC*: (tư liệu) của Công ty Đông Ấn Hà Lan; *OIOC* (Oriental and Indian Office Collection): Tài liệu Phòng Ấn Độ và phương Đông; *BL* (British Library): Thư viện Quốc gia Anh tại Luân Đôn.

(1). Về thời điểm người Bồ đến Đàng Trong vẫn còn nhiều tồn nghi. Trong các năm 1513 và 1515, người Bồ Đào Nha đã hai lần thám hiểm xứ Trung Hoa và thành công trong việc thiết lập quan hệ chính thức với triều đình nhà Minh, nhưng đến năm 1522 thì quan hệ bị gián đoạn. Trong thời gian này người Bồ đã qua lại biển Đông khá nhiều lần: năm 1516, thương nhân Bồ là Fernao Peres de Andrade đã đến khám phá bờ biển Champa và tiếp xúc với cư dân, năm 1523-1524 một nhà hàng hải Bồ Đào Nha khác là Duarte Coelho lại đến được bờ biển xứ Cauchim Chynan (tức Đại Việt) nhưng không thiết lập được quan hệ chính thức vì tình hình chính trị ở đó đang rất phức tạp. Quan hệ giữa người Bồ với Đàng Trong có lẽ chỉ gắn bó vào những thập kỷ cuối của thế kỷ XVI, khi quyền lực của chúa Nguyễn ở Đàng Trong ngày càng lớn mạnh. Về thời điểm người Bồ có mặt ở Đàng Ngoài cũng còn có những điều đặt ra. Nếu Duarte Coelho đã đến được bờ biển xứ Cauchim Chynan vào năm 1523

và biết được rằng chính trị của xứ đó đang rất lộn xộn do tranh giành quyền lực thì vùng bờ biển mà Duarte Coelho đến có thể là Đàng Ngoài chứ không phải Đàng Trong. Một tài liệu khác cho biết thêm rằng vào năm 1533, một thầy tu khác đã đến được Đàng Ngoài, cụ thể là tỉnh Nam Định tuy chưa được chứng thực qua tư liệu của người Bồ. Phải đến chuyến đi sang Đàng Ngoài của linh mục Baldinotti trên thương thuyền từ Macao sang năm 1626 quan hệ chính thức mới được thiết lập. Xem Manguin, P.-Y, *Les Portugais sur les cotes de Viet-nam et du Champa*, Paris, 1972.

(2). Buch, W. J. M., *De Oost-Indische Compagnie en Quinam; de Betrekkingen der Nederlanders met Annam in de XVII^e eeuw*, Amsterdam 1929.

(3). Công ty Đông Ấn Hà Lan (VOC: *Verenigde Oost-Indische Compagnie*) được thành lập ngày 20 tháng 3 năm 1602 với số vốn ban đầu là 6,5 triệu *florin*, trên cơ sở hợp nhất các công ty nhỏ có từ trước đó, được đặt dưới sự bảo trợ của Nhà nước Cộng hòa Hà Lan, được Nhà nước trao độc quyền buôn bán từ mũi Hảo Vọng trở về phương Đông và được thay mặt Nhà nước Cộng hòa ký kết các hiệp ước buôn bán, tuyên bố chiến tranh, ký kết các hiệp ước hoà bình. Công ty gồm có 6 phòng

(Kamer): Amsterdam, Zeeland, Delft, Rotterdam, Horn, và Enkhuizen, do một ban Giám đốc gồm 17 vị (Heren XVII) lãnh đạo. Hoạt động của Công ty ở phương Đông được điều hành bởi Toàn quyền (Gouverneur-Generaal) và Hội đồng Đông Ấn (Raad van Indie) đặt tại Batavia. Xem: Gaastra, F. S., *De Geschiedenis van de VOC*, Walburg Pers 2002.

(4). Bản dịch của Geert tuy nhiên lại không hoàn chỉnh do văn bản gốc (tiếng Hà Lan cổ) mà Geert sử dụng bị thiếu một số trang từ ngày 19 đến ngày 30 tháng 5 năm 1637. Xem, Geert A. J. C., "Voyage du Jacht Hollandis "Groll" du Japon au Tonkin 31 Janvier-8 Aout 1637", *Excursion et Reconnaissances*, 13, (1882). Tài liệu Lưu trữ Quốc gia Hà Lan tại Den Haag hiện còn nên có thể bổ sung để đàng khiếm khuyết này. NA, VOC 1124, fol. 53-79 (*Dagregister van Carel Hartsinck van de negotie gedaen met het schip de Grol naer Tonkin van 31 Januarij - 7 Augustij 1637*).

(5). Dixon, J. M., "Voyage of the Dutch Ship "Groll" from Hirado to Tongking", *Transactions of the Asiatic Society of Japan*, vol. XI. Yokohama, 1883.

(6). Xem Dumoutier, G., "Les comptoirs Hollandais de Pho Hien ou Pho Khach pres Hung Yen au XVIIe sciecle", *BGHD*, 1985.

(7). Buch, W. J. M., *De Oost-Indische Compagnie en Quinam...*

(8). Buch, W. J. M., *La Compagnie des Indes Neerlandaises et l'Indochine*, BEFEO Hanoi, 1936 (97-196); 1937 (121-237).

(9). Klein P.W., "De Tonkiness-Japanse Zijdehandel van de Vereenigde Oostindische Compagnie en het Inter-Asiatische Verkeer in de 17^e eeuw", in W. Frijhoff and M. Hiemstra ed., *Bewogen en Bewegen*, Tilburg, Gianotten B. V., 1986, p. 152-177.

(10). Chẳng hạn, Nagazumi Yoko, *Mậu dịch Đàng Ngoài - Nhật Bản vào giữa thế kỷ XVII* (bản tiếng Nhật), *Annual Report of Josai Graduate School of Economics*, Josai University 1992, p. 21-46; Nara Shuichi "Silk Trade between Vietnam and

Japan in the Seventeenth Century", *Pho Hien-the Centre of International Commerce in the XVIIth-XVIIIth Centuries*, Hanoi, 1994, p. 162-183; Nara Shuichi, "Inventory of the VOC Archives about Tonkin", *NAMPO-BUNKA*, No. 21, 1994, p. 183-198.

(11). Đáng chú ý nhất là công trình của Thành Thế Vỹ về Ngoại thương Việt Nam trong các thế kỷ XVII, XVIII và nửa đầu thế kỷ XIX. Trong công trình này tác giả đã trích dẫn hầu hết tư liệu của Buch (xem chú thích 7&8) nên hoạt động của VOC ở Đàng Ngoài cũng được giới thiệu khái quát. Thành Thế Vỹ, *Ngoại thương Việt Nam hồi thế kỷ XVII, XVIII và đầu thế kỷ XIX*, Nxb. Sù học, Hà Nội, 1961. Một số bài viết khác có thể kể đến: Nguyen Quang Ngoc, "Some Features on the Dutch East India Company and Its Trade Office at Pho Hien", *Pho Hien...*, p. 32-41; Truong Van Binh and John Kleinen, "Verenigde Oost Indische Compagnie (VOC): Materials on Relations between the Dutch East India Company and the Nguyen Lords in the 17th and 18th Centuries", *Ancient Town of Hoi An*, Hanoi, 1993.

(12). Thư mục *OBP* về Đàng Ngoài tổng cộng hơn 300 đầu mục tài liệu đã được tác giả tập hợp và sẽ được công bố.

(13). Anthony Farrington, "English East India Company Documents Relating Pho Hien and Tonkin", *Pho Hien...*p. 148-161. Khối tư liệu này, hiện được lưu trữ tại OIOC của Thư viện Quốc gia Anh, đã được Farrington và tác giả bài viết biên tập, hiệu đính, và sẽ được xuất bản toàn bộ trong một thời gian tới.

(14) Nguyen The Anh, *Bibliographie critique sur les relations entre Vietnam et l'occident*, Paris, 1967.

(15). Khi dừng ở bờ biển Champa hoặc Đàng Trong, 23 người trên hai tàu này đã bị người địa phương sát hại. Hai thương nhân Jeronimus Wonderaer và Albert Cornelisz Ruyll sau đó được phái đến Hội An xin đặt quan hệ buôn bán với chúa Nguyễn và được Chúa tiếp đón, cho phép kinh doanh hồ tiêu trong khi chờ Chúa ấn định giá

cả. Trong khi buôn bán, hai thương nhân nghe tin đồn Chúa đang chuẩn bị một cuộc ám sát nhằm vào người Hà Lan nên đã cướp bóc và đốt phá trên đường chạy thoát ra biển. Xem Foreest H.A & A. de Boy (eds), *De vierde scheepvaart der Nederlanders naar Oost-Indie onder Jacob Wilkens en Jacob van Neck (1599-1604)*, Vol. 2, Den Haag, p. 67-91; Buch, W. J. M., *De Oost-Indische Compagnie en Quinam...* p. 9-10.

(16). Năm 1613, một thương nhân Hà Lan được thương điểm Hirado cử sang Đàng Trong lại bị giết chết cùng với một người Anh cũng từ Nhật Bản sang. Về sự kiện này, cả người Anh và người Hà Lan đều đổ lỗi cho nhau. Lamb A., *The Mandarin Road to Old Huế, Narratives of Anglo-Vietnamese Diplomacy from the 17th Century to the Eve of the French Conquest*, Chatto & Windus, London 1970, p 12-15.

(17). Blussé L. J., "The Dutch Occupation of Pescadores, 1622-1624", *Transactions of the International Conference of Orientalists in Japan*, No. XVIII 1973, The Toho Gakkai, p. 28-44.

(18). Chúa Thượng từ chối trả khoản bồi thường vì hai lý do: 1) Việc của đời chúa trước (chúa Sãi-Nguyễn Phúc Nguyên: 1613-1634) nên Chúa không chịu trách nhiệm; 2) Chúa Sãi không tịch thu khoản tiền trên mà một viên quan đã chiếm đoạt, nay đã bị xử tử. Bù lại Chúa cho phép Công ty mở thương điểm ở Hội An và buôn bán tự do, không phải đóng thuế, tiền bến bãi và được miễn mọi loại quà cáp. Duycker chấp nhận nhưng Toàn quyền và Hội đồng Đông Ấn ở Batavia lại không bằng lòng, thậm chí còn quở trách Ông. Tháng 7 năm đó, Couckebacker trên đường từ Batavia sang Nhật Bản đã ghé lại Hội An để yêu cầu Duycker thương lượng lại với chúa Thượng, kèm lời đe dọa dùng vũ lực và liên minh với Đàng Ngoài nếu những đòi hỏi của Công ty không được Chúa chấp nhận. Chúa từ chối thẳng thừng và tuyên bố trong giận dữ rằng Chúa là *konink* (vua) của một nước, nếu nói chuyện thì nói với *vua* của Hà Lan (chỉ Toàn quyền ở Batavia) chứ không nói với nhân viên (tức

Couckebacker và Duycker); rằng người Hà Lan thích thì đến buôn bán tự do, không bằng lòng thì cứ đem thuyền và quân lính đến gây chiến, chúa sẵn sàng tiếp đón! Hai người này sau đó đi Formosa vào tháng 7, từ đó Couckebacker đi tiếp sang Nhật Bản. Xem NA, VOC 1118, fol. 459-478; Buch, W. J. M., *De Oost-Indische Compagnie en Quinam...* p. 49-50.

(19). Kato Eiichi, "Unification and Adaptation, the Early Shogunate and Dutch Trade Policies", In: L. Blusse & F. Gaastra (ed), *Companies and Trade, Comparative Studies in Overseas History*, Vol. 3, Leiden 1981, p. 207-229; Blusse L. J., "From Inclusion to Exclusiveness, the Early Years at Hirado, 1600-1640", Leonard Blusse, Willem R Emmelink, Ivo Smits (ed.), *Bridging the Divide: 400 Years the Netherlands-Japan*, Hotei Publishing, 2000, p. 13-32.

(20). *Daghregister*, 1624-1629, p. 12.

(21). *Daghregister*, 1631-1634, p. 249. (1 *picol* / *picul* / *pikol* bằng 100 *catty* tương đương 60,1 kg)

(22). Báo cáo của Couckebacker - giám đốc thương điểm Hirado - về Batavia dự tính rằng Đàng Ngoài có thể cung cấp hàng năm một sản lượng lụa khoảng 1.500 đến 1.600 *picol* tơ sống (tương đương 90 đến 96 tấn), 5 đến 6.000 tấm vải và một lượng quế lớn. *Daghregister*, 1636, p. 103.

(23). Trong số đó có Vincent Romeijn, thương nhân Hà Lan buôn bán độc lập ở Nagasaki, người đã đi trên tàu buôn Châu Ấn của Nhật sang Đàng Ngoài hai lần trước năm 1637 nên rất am hiểu tình hình buôn bán ở xứ đó. Thương nhân này sau đó đã được Couckebacker mời đi cùng Hartsink sang giúp thuyết phục với chính quyền Đàng Ngoài. Xem *Daghregister*, 1637, p. 144-146. Người Nhật ở Đàng Ngoài vẫn còn giữ nhiều dấu mối kinh doanh và có quan hệ tốt với quan lại. Thành công của Hartsink trong chuyến đi này phụ thuộc rất nhiều vào sự giúp đỡ của một phụ nữ Nhật Urusan sống ở Kẻ Chợ, người được mô tả là "rất có thể lực trong quan hệ với quan lại của triều đình, có thể ra vào cung cấm

khá tự do và tiếp cận được với Chúa". NA, VOC 1124, fol. 53-79.

(24). Thông tin về chuyến đi của Hartsink sang Đàng Ngoài được phản ánh trong NA, VOC 1124, fol. 53-79, cũng có thể tham khảo thêm từ bản dịch của Geert và Dixon. Việc nhận Hartsink làm con nuôi được phản ánh qua tư liệu NA, VOC 1124, fol. 85 (*Acte waerbij den coopman Carel Hartsinck van den coninck van Tonquin tot sijn geadopteerde soon verclaert ende aengenomen wert*).

(25), (26). NA, VOC 1124, fol. 53-79. Thư của Đàng Ngoài gửi VOC trong năm 1637 gồm có thư của Chúa gửi Toàn quyền VOC Antonio van Diemen (NA, VOC 1124, fol. 80-81) ở Batavia; gửi Giám đốc Couckebacker ở thương điểm Hirado (NA, VOC 1124, fol. 82); và thư của hoàng tử Đàng Ngoài gửi Couckebacker (NA, VOC 1124, fol. 83).

(27). Các số liệu trên dẫn từ Klein P.W., "De Tonkinness-Japanse Zijdehandel...", cũng có thể xem thêm từ Nara Shuichi "Silk Trade...", hoặc Nagazumi Yoko, *Mậu dịch Đàng Ngoài - Nhật Bản...* Về vấn đề tơ lụa Bengal và thị trường Nhật Bản, xem Om Prakash, *The Dutch East India Company and the Economy of Bengal 1630-1720*, Princeton 1985.

(28). Hoang Anh Tuan, *Vietnam's Jingdezhen and the VOC's Ceramic Trade with Tonkin in the Seventeenth Century*, Paper present at TANAP workshop, Xiamen University, China, October 2003.

(29). Chaudhuri, K. N., *The Trading World of Asia and the English East India Company 1660-1760*, Cambridge University Press 1978; Els M. Jacobs, *Coopman in Azie. De handel van de Verenigde Oost-Indische Compagnie tijden de 18de eeuw*, Zutphen 2000.

(30). Klein (xem chú thích 9) cho rằng trong giai đoạn buôn bán tơ lụa thịnh vượng của Công ty ở Đàng Ngoài (1641-1654), 1/4 số lượng bạc Nhật Bản mà VOC có thể nhập khẩu đã chảy về Đàng

Ngoài để đổi lấy tơ lụa, tương đương với khoảng 1,5 triệu *ghinđơ* (gulden) mỗi năm. Tuy nhiên con số cụ thể cần được nghiên cứu cụ thể trong những năm tới.

(31). Ví dụ, trong 18 năm, 1676-1694, tiền đồng của Đàng Ngoài mất giá gần 100% (từ khoảng 1.400 xuống đến 2.600 cassies/tale-lạng bạc) chứng tỏ lượng bạc cung cấp vào thị trường Đàng Ngoài suy giảm mạnh. Sự lên xuống về tỉ giá quy đổi giữa bạc nén/tiền đồng cũng dao động mạnh, ví dụ ngày 2-9-1676 là 1/1.450 đã tụt xuống còn 1/1.500 trong ngày 5/9/1676, BL, OIOC G/12/17-3. Ngoài ra những biến động về chính trị cũng rất nhạy cảm đến tỉ giá này, nhất là những dịp Chúa sắp mất. Ví dụ, vào năm 1694 khi tin chúa Trịnh Căn ốm rất nặng và có thể xảy ra loạn chiến khi Chúa mất vào ngày 17/3, tỉ giá 1/2.560 đã lập tức tụt xuống còn 1/2.600; ngày 20-3-1694 (mặc dù có tin Chúa đã đỡ): 1/2.610; ngày 21/3/1694 (do Phủ Chúa, nhằm ổn định thị trường, cử quan đi cấm việc dân bán tháo tiền): 1/2.590; ngày 22/3: 1/2.570; ngày 23/3 (khẳng định tin Chúa đã hồi phục): 1/2.560, BL, OIOC G/12/17-9, fl.347-350.

Về vấn đề tiền tệ của Đàng Ngoài, có thể xem thêm bài viết của Witmore, J. K., "Vietnam and the Monetary Flow of the Eastern Asia, Thirteenth to Eighteenth Centuries", J. F. Richards (ed.), *Precious Metal in the Later Medieval and Early Modern Worlds*, Carolina Academic Press, Durham, North Carolina, 1983, p. 363-396. Trong bài viết này, Witmore đã đưa ra một bức tranh khá tổng quát về lịch sử tiền tệ Việt Nam thời kỳ trung đại. Tuy vậy phần phân tích về giai đoạn thế kỷ XVII rất vắn tắt, và vấn đề lên xuống của tỉ giá hoán đổi giữa tiền đồng (*cassies*) và bạc nén (*silver bar plate*) hầu như không được tác giả phân tích đến.

(32). Xem chi tiết cuộc tranh luận về mầm mống Chủ nghĩa Tư bản trên Tạp chí NCLS trong thập niên 1960.

(33). BL, OIOC G/12/17-9, fl. 340r.